



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về Ngân hàng	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu B02a/TCTD)	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu B03a/TCTD)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu B04a/TCTD)	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu B05a/TCTD)	12 - 88

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Hoạt động số

0026/NH-GP

ngày 22 tháng 8 năm 1992

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 99 năm kể từ ngày cấp.

Giấy phép Thành lập số

463/GP-UB

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy phép Thành lập được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh/
Doanh nghiệp số**

0300872315

ngày 1 tháng 9 năm 1992

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300872315 ngày 31 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Toàn
Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Ông Phan Đình Tân
Ông Nguyễn Quốc Mỹ
Bà Võ Thị Tuyết Nga
Bà Đỗ Anh Thư

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Triệu Kim Cân
Bà Nguyễn Thị Thúy Vân
Bà Nguyễn Thùy Vân

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Thông tin về Ngân hàng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trần Ngọc Tâm	Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 5 tháng 3 năm 2018)
		Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Tổng Giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2018)
	Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Quảng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Võ Việt Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Nguyễn Vĩnh Lợi	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
	Ông Trần Khải Hoàn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 11 năm 2017)
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Mỹ Lan	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Chủ tịch
Trụ sở đăng ký	Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 88 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Tấn
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 88.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính riêng này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 17 tháng 4 năm 2017 và báo cáo soát xét phát hành ngày 7 tháng 10 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-01-141/1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

		Thuyết minh	30/6/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng	4	362.979	319.178
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	949.975	1.316.399
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	4.974.396	2.721.134
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		4.860.681	2.721.134
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		113.715	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	131.918	138.813
1	Chứng khoán kinh doanh		144.141	149.346
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(12.223)	(10.533)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	434
VI	Cho vay khách hàng		27.701.644	23.649.752
1	Cho vay khách hàng	8	28.155.139	24.039.291
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(453.495)	(389.539)
VIII	Chứng khoán đầu tư	10	9.819.075	9.392.526
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		3.549.618	3.921.999
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		6.338.386	5.535.468
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(68.929)	(64.941)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	11	412.428	412.174
1	Đầu tư vào công ty con		300.000	300.000
4	Đầu tư dài hạn khác		117.280	117.280
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(4.852)	(5.106)
X	Tài sản cố định		814.082	821.550
1	Tài sản cố định hữu hình	12	356.792	374.564
a	Nguyên giá		609.840	607.613
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(253.048)	(233.049)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	13	45.937	51.573
a	Nguyên giá		67.624	67.624
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.687)	(16.051)
3	Tài sản cố định vô hình	14	411.353	395.413
a	Nguyên giá		471.110	450.412
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(59.757)	(54.999)
XII	Tài sản Có khác	15	3.359.213	4.075.944
1	Các khoản phải thu		2.772.188	3.462.761
2	Các khoản lãi, phí phải thu		387.298	480.362
4	Tài sản Có khác		239.465	247.324
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(39.738)	(114.503)
TỔNG TÀI SẢN			48.525.710	42.847.904

		Thuyết minh	30/6/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	16	2.797	2.953
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	6.035.579	4.467.334
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		5.492.351	4.013.200
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		543.228	454.134
III	Tiền gửi của khách hàng	18	36.240.388	34.103.891
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	15.610	20.614
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	1.905.013	34.250
VII	Các khoản nợ khác	21	842.844	809.844
1	Các khoản lãi, phí phải trả		650.413	687.871
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		192.431	121.973
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		45.042.231	39.438.886
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn chủ sở hữu	23	3.483.479	3.409.018
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.023.748	3.023.748
a	Vốn điều lệ		3.021.166	3.021.166
b	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định		10	10
c	Thặng dư vốn cổ phần		2.547	2.547
g	Vốn khác		25	25
2	Các quỹ		180.321	180.227
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(763)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối		280.173	205.043
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.483.479	3.409.018
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		48.525.710	42.847.904

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B02a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	30/6/2017 Triệu VND	31/12/2016 Triệu VND
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
2	Cam kết giao dịch hối đoái	37	155.217	68.400
	Trong đó:			
	▪ Cam kết mua ngoại tệ		77.708	68.400
	▪ Cam kết bán ngoại tệ		77.509	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	37	70.427	420.087
5	Bảo lãnh khác	37	208.019	205.004

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B03a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		Thuyết minh	30/6/2017 Triệu VND	30/6/2016 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	1.620.163	1.485.575
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(1.247.892)	(974.038)
I	Thu nhập lãi thuần	24	372.271	511.537
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	35.525	29.656
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(29.829)	(10.659)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	5.696	18.997
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	15.435	14.355
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	(3.463)	(195)
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	83.685	9.260
5	Thu nhập từ hoạt động khác	29	13.628	10.826
6	Chi phí hoạt động khác	29	(1.678)	(10.342)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	11.950	484
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	63	225
VIII	Chi phí hoạt động	31	(387.186)	(354.822)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		98.451	199.841
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	4.477	(62.606)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		102.928	137.235
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	(22.488)	(29.500)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	-	-
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(22.488)	(29.500)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		80.440	107.735

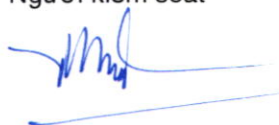
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập



Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Người kiểm soát



Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.718.450	1.570.741
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.285.531)	(876.143)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	5.424	19.203
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	97.347	24.099
05	Thu nhập/(chi phí) khác	3.336	(1.124)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	8.525	1.763
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(351.665)	(333.063)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(63)	(7.166)

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước
những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động**

195.823 398.310

Những thay đổi về tài sản hoạt động

09	(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(63.715)	1.467.690
10	Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán	(425.332)	(692.678)
11	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	434	-
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(4.115.848)	(5.732.817)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(72)	(25.452)
14	Giảm khác về tài sản hoạt động	626.207	7.653

Những thay đổi về công nợ hoạt động

15	Giảm các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	(156)	(209.757)
16	Tăng/(giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	1.568.245	(3.399.197)
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	2.136.497	7.143.606
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	1.870.763	-
19	(Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(5.004)	2.958
20	Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(2.662)
21	Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	63.429	(7.337)

**I LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH**

1.851.271 (1.049.683)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á
Số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho
kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B04a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư
số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2017 30/6/2016
Triệu VND Triệu VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương ứng	(11.166) (11.419)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	162 11.453
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	27.736 225
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	16.732 259
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
04	Cổ tức trả cho cổ đông	(316) (691)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(316) (691)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	1.867.687 (1.050.115)
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ	4.306.711 4.831.571
VI	ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ	(763) (3.254)
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 34)	6.173.635 3.778.202

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập

Người kiểm soát

Người phê duyệt







Phùng Thị Ngọc Vân
Trưởng bộ phận Kế toán
Tổng hợp

Nguyễn Thị Mỹ Lan
Kế toán Trưởng

Trần Ngọc Tâm
Quyền Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này